

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số 559-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 08/09/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

1. Thông tin chung

- | | | |
|------|--------------------------|--|
| [1] | Tên chương trình: | Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| [2] | Trình độ đào tạo: | Đại học |
| [3] | Ngành đào tạo: | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG |
| [4] | Chuyên ngành đào tạo: | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| [5] | Mã ngành đào tạo: | [7510605] |
| [6] | Loại hình đào tạo: | Chính quy tập trung |
| [7] | Khóa học: | 2025 - 2029 |
| [8] | Tên Khoa: | Khoa Quản trị Kinh doanh |
| [9] | Trường cấp bằng: | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn |
| [10] | Cơ sở tổ chức giảng dạy: | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn |

2. Mục tiêu đào tạo

[1] Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được thiết kế để trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành cần thiết để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Sinh viên sẽ được đào tạo toàn diện về các khía cạnh của quản lý chuỗi cung ứng, từ việc lập kế hoạch và thiết kế chuỗi cung ứng hiệu quả, đến việc vận hành và kiểm soát các hoạt động logistics hàng ngày. Với kiến thức nền tảng vững chắc về kinh tế, quản lý và các công nghệ hiện đại, sinh viên sẽ có khả năng đưa ra các quyết định chiến lược, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Ngoài ra, chương trình đào tạo còn hướng đến việc đào tạo những chuyên gia logistics có tầm nhìn quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và cạnh tranh cao. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng quốc tế, các quy định và thủ tục hải quan, cũng như nắm bắt tốt xu hướng logistics và quản lý chuỗi cung ứng thông minh, tinh gọn và bền vững trong thời đại 4.0. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện, giúp sinh viên phát triển nghề nghiệp, sáng tạo và đổi mới trong kỷ nguyên số hóa và trí tuệ nhân tạo.

[2] Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs):

- + PO.01: Trang bị cho người học nền tảng kiến thức vững chắc về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, đồng thời đáp ứng kiến thức cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + PO.02: Trang bị kỹ năng và kiến thức chuyên sâu về chuỗi cung ứng để người học có khả năng đạt được chứng chỉ nghề nghiệp về logistics và quản lý chuỗi cung ứng như FIATA, CSCP, CPIM.

- + PO.03: Giúp người học tích lũy những kỹ năng thực tiễn cần thiết để thích ứng và phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh hiện đại.
- + PO.04: Giúp người học làm chủ khả năng tự đào tạo với thái độ học tập suốt đời để tự nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho bản thân.

[3] Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CDR CTĐT - Program Learning Outcome - PLOs):

- + Kiến thức:
 - CDR_A.01: PLO_K01: Có hiểu biết đầy đủ về chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội và các kiến thức cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT).
 - CDR_A.02: PLO_K02: Phân tích và vận dụng được các khái niệm, nguyên lý và lý thuyết cốt lõi của logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - CDR_A.03: PLO_K03: Thiết kế, triển khai và kiểm soát các hoạt động chuỗi cung ứng một cách hiệu quả.
- + Kỹ năng:
 - CDR_B.01: PLO_S01: Áp dụng linh hoạt các kỹ năng mềm trong giải quyết vấn đề và thích nghi với sự thay đổi trên tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.
 - CDR_B.02: PLO_S02: Sử dụng hiệu quả tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản, đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam..
 - CDR_B.03: PLO_S03: Vận dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành cùng công nghệ hiện đại nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - CDR_C.01: PLO_A01: Thể hiện tính kỷ luật và trách nhiệm trong công việc và tổ chức.
 - CDR_C.02: PLO_A0: Thể hiện tinh thần hợp tác và khả năng thích ứng với sự thay đổi trong công việc.

[4] Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí công việc trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ logistics, vận tải, công nghệ chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử hoặc các tổ chức quốc tế. Tùy theo định hướng nghề nghiệp, sinh viên có thể phát triển theo một trong các nhóm ngành tiêu biểu dưới đây:

Nhóm Quản lý vận hành logistics và chuỗi cung ứng

- + Vị trí khởi điểm:
 - Nhân viên điều phối logistics: Tổ chức, giám sát và điều phối hoạt động vận chuyển hàng hóa giữa các bộ phận trong nội bộ doanh nghiệp và đối tác vận tải bên ngoài.
 - Nhân viên kho vận: Quản lý nhập – xuất kho, sắp xếp và kiểm kê hàng hóa, giám sát lưu trữ và đảm bảo luồng lưu chuyển vật tư hiệu quả.
 - Nhân viên xuất nhập khẩu: Thực hiện các thủ tục hải quan, chứng từ vận chuyển, kiểm soát tiến độ thông quan và phối hợp với các cơ quan liên quan.
 - Nhân viên quản lý vận tải: Lập kế hoạch điều xe, tối ưu tuyến đường, giám sát hoạt động giao hàng và kiểm soát chi phí vận tải.
- + Lộ trình phát triển:
 - Trưởng bộ phận logistics: Quản lý toàn diện các hoạt động logistics trong doanh nghiệp; kiểm soát chi phí, hiệu suất và cải tiến quy trình vận hành.

- Giám đốc chuỗi cung ứng (Supply Chain Director): Xây dựng chiến lược quản trị chuỗi cung ứng tích hợp, điều phối dòng chảy vật tư – thông tin – tài chính từ nhà cung cấp đến khách hàng cuối cùng.

Nhóm Kế hoạch và phân tích chuỗi cung ứng

- + Vị trí khởi điểm:
 - Chuyên viên lập kế hoạch cung ứng: Dự báo nhu cầu thị trường, lập kế hoạch nguyên vật liệu – tồn kho – sản xuất nhằm đảm bảo dòng cung ứng ổn định.
 - Chuyên viên phân tích dữ liệu logistics: Thu thập và xử lý dữ liệu hoạt động logistics để phân tích hiệu suất và đề xuất cải tiến.
 - Chuyên viên mua hàng: Tìm kiếm nhà cung cấp, đánh giá năng lực, đàm phán hợp đồng, quản lý chất lượng đầu vào.
- + Lộ trình phát triển:
 - Chuyên viên hoạch định nhu cầu cấp cao / chuyên viên phân tích chuỗi cung ứng cấp cao: Áp dụng công cụ phân tích tiên tiến tối ưu hóa chuỗi cung ứng theo thời gian thực.
 - Chuyên gia chiến lược chuỗi cung ứng / chuyên gia tối ưu mạng lưới phân phối: Thiết kế hệ thống phân phối, cải tiến mạng lưới logistics, hỗ trợ chiến lược kinh doanh dài hạn.

Nhóm Kinh doanh dịch vụ logistics

- + Vị trí khởi điểm:
 - Nhân viên kinh doanh dịch vụ logistics: Tìm kiếm khách hàng, tư vấn dịch vụ, xây dựng giải pháp logistics phù hợp và hỗ trợ ký kết hợp đồng.
 - Nhân viên chăm sóc khách hàng: Hỗ trợ khách trong quá trình vận chuyển, giải quyết sự cố, phản hồi và bảo đảm trải nghiệm dịch vụ chất lượng.
- + Lộ trình phát triển:
 - Trưởng phòng kinh doanh dịch vụ logistics: Quản lý đội ngũ bán hàng, xây dựng chiến lược phát triển khách hàng và thị phần.
 - Giám đốc kinh doanh logistics: Hoạch định chính sách giá, cấu trúc sản phẩm dịch vụ, mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhóm Dự án và tư vấn logistics

- + Vị trí khởi điểm:
 - Chuyên viên quản lý dự án logistics: Tham gia triển khai các dự án đầu tư hoặc cải tiến quy trình vận hành logistics trong doanh nghiệp.
 - Tư vấn viên logistics cấp cơ sở: Phân tích nhu cầu khách hàng, đánh giá hiện trạng logistics và đề xuất các giải pháp tối ưu hóa.
- + Lộ trình phát triển:
 - Quản lý dự án liên vùng / quốc tế: Lãnh đạo các dự án cải tiến hoặc mở rộng chuỗi cung ứng xuyên quốc gia.
 - Chuyên gia tư vấn logistics cấp cao: Hỗ trợ doanh nghiệp thiết kế chiến lược logistics, triển khai hệ thống ERP, WMS, hoặc tái cấu trúc mô hình cung ứng theo xu hướng toàn cầu hóa.

Định hướng học lên cao và ngành liên thông: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp tục học lên các trình độ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) trong các lĩnh vực liên quan để tăng cường kiến thức chuyên sâu, năng lực lãnh đạo và kỹ năng nghiên cứu, bao gồm:

- Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quản lý công nghiệp
- Hệ thống thông tin quản lý
- Kinh tế vận tải và thương mại quốc tế
- Quản trị dự án

Ngoài ra, sinh viên có thể tham gia các khóa học chuyên sâu hoặc chương trình liên ngành về:

- Ứng dụng công nghệ số trong logistics (AI, Big Data, Blockchain)
- Tối ưu hóa quy trình logistics bằng các mô hình mô phỏng – dự báo
- Phân tích rủi ro và lập chiến lược cung ứng bền vững

Ngành nghề tiềm năng mở rộng: Nhờ nền tảng quản lý – phân tích – công nghệ, sinh viên có thể thích nghi linh hoạt với nhiều vị trí liên ngành khác

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học. Trong một số trường hợp đặc biệt vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản này, Hiệu trưởng có thể xem xét và quyết định gia hạn cho sinh viên; tuy nhiên, tổng thời gian hoàn thành chương trình không được vượt quá gấp đôi thời gian đào tạo chính khóa theo kế hoạch.
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:
- | | | |
|---------|------------------------------|-------------------|
| Bậc học | Thời gian đào tạo chính khóa | Thời gian kéo dài |
| Đại học | 3,5 năm (07 học kỳ kế hoạch) | 2,0 năm |

4. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- [1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 tín chỉ.**
- [2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**
- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
 - + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
 - + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
 - + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn đã liệt kê các môn học mà sinh viên có thể chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo

đục chuyên nghiệp. Trong chương trình, sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn, chiếm khoảng 10% tín chỉ trong danh sách môn học đề xuất.

[3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thực hành, thực tập tại phòng thực hành và chuyên đề;
- + Các môn học có đi kiến tập, thực tập và làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (chứng chỉ, chứng nhận).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90		210		375
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300		90		210		375
– [0] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90		75		240
– [0] Giáo dục Thể chất	0		135		0		135		135
Môn học trong chương trình đào tạo	124		2205		1140	51.70	1065	48.30	3510
Kiến thức Giáo dục đại cương	34	27.42	570	25.85	360	63.16	210	36.84	960
– [1] Khoa học tự nhiên	9	07.26	135	06.12	75	55.56	60	44.44	270
– [2] Khoa học xã hội	25	20.16	435	19.73	285	65.52	150	34.48	690
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	81	65.32	1230	55.78	780	63.41	450	36.59	2415
– [3] Cơ sở ngành	27	21.77	420	19.05	240	57.14	180	42.86	795
– [4] Chuyên ngành	54	43.55	810	36.73	540	66.67	270	33.33	1620
Bài thi tốt nghiệp	9	07.26	405	18.37	0	00.00	405	100.00	135
– [5.1] Thực tập tốt nghiệp	3	02.42	135	06.12	0	00.00	135	100.00	45
– [5.2] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	6	04.84	270	12.24	0	00.00	270	100.00	90

5. Đối tượng tuyển sinh:

[1] Cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

[2] Đào tạo văn bằng hai:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư các ngành trình độ đại học và phải qua kỳ xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa phối hợp cùng Phòng Đào tạo xem xét bảng điểm toàn khóa của thí sinh, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp Văn bằng 2 ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học.

[3] Đào tạo liên thông đại học từ cao đẳng:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (hoặc ngành gần) trình độ cao đẳng và qua kỳ thi tuyển sinh đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Đào tạo Liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và của Khoa tổ chức xét duyệt bảng điểm toàn khóa của thí sinh trong quá trình học cao đẳng, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.
- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
 - + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
 - + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gửi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ/đợt học.
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
 - + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.
- [5] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

8. Nội dung chương trình

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức giáo dục đại cương		34	570	360	210	960
			Nhóm môn Khoa học tự nhiên		9	135	75	60	270
5	HK1	BA13901	Toán ứng dụng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK2	BA19009	Thống kê trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
7	HK2	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
			Nhóm môn Khoa học xã hội		25	435	285	150	690
8	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
12	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
17	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
18	HK2	BA09020	Môn học tự chọn 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90	1635	780	855	2550
			Nhóm môn cơ sở		27	420	240	180	795
19	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK1	BA19002	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
21	HK2	BA49001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
22	HK3	BA29001	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK4	BA43018	Khởi nghiệp	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
26	HK4	BA09019	Nhập môn Khoa học dữ liệu và AI	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
27	HK3	BA09021	Môn học tự chọn 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn ngành - chuyên ngành		54	810	540	270	1620
28	HK3	BA59013	Dự báo nhu cầu trong chuỗi cung ứng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
29	HK3	BA59001	Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
30	HK4	BA19005	Quản trị Chất lượng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
31	HK4	BA39014	Quản trị Tài chính	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
32	HK5	BA59014	Quản trị Chiến lược chuỗi cung ứng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
33	HK5	BA59006	Quản trị Kho bãi	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
34	HK5	BA59007	Quản trị Rủi ro và Bảo hiểm	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
35	HK5	BA59003	Quản trị Thu mua	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
36	HK5	BA19007	Quản trị Vận hành	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
37	HK5	BA59004	Quản trị Vận tải	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
38	HK6	BA59009	E-Logistics	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
39	HK6	BA59015	Nghiệp vụ hải quan	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
40	HK6	BA59002	Quản trị Bán hàng và kênh phân phối	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
41	HK6	BA59005	Quản trị Chuỗi cung ứng toàn cầu	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
42	HK6	BA13158	Quản trị Dịch vụ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
43	HK6	BA13011	Quản trị Dự án	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
44	HK5	BA09022	Môn học tự chọn 3	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
45	HK6	BA09023	Môn học tự chọn 4	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn tốt nghiệp		9	405	0	405	135
46	HK7	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
47	HK7	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			Nhóm môn tự chọn		45	870	375	495	1245
1	HK2	BA09024	TC1 - Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
2	HK2	BA09025	TC1 - Phát triển kỹ năng cá nhân	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
3	HK2	BA09026	TC1 - Tư duy hiệu quả và định hướng nghề nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
4	HK3	BA39002	TC2 - Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
5	HK3	BA39001	TC2 - Nguyên lý Kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK3	BA59008	TC3 - Công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
7	HK5	BA23009	TC3 - Nghiên cứu Marketing	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
8	HK5	BA09027	TC3 - Thương mại điện tử	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
9	HK5	BA49010	TC4 - Quản trị nguồn nhân lực	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
10	HK6	BA59010	TC4 - Quản trị Tồn kho	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
11	HK6	BA59012	TC4 - Vận tải đa phương thức	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
12	HK6	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
13	HKN	BA59016	TT_BTNN_Logistics và QLCCU thông minh, bền vững trong thời đại số	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
14	HKN	BA59017	TT_BTNN_Nghiên cứu tình huống trong Logistics và QLCCU	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Ghi chú:

Sinh viên lựa chọn các môn học trong danh sách môn học tự chọn.

Nhóm môn học tự chọn bao gồm các môn học có tính liên kết theo cấp độ hoặc nội dung. Khi sinh viên đã chọn một môn học ở cấp độ cơ bản (hoặc phần 1) trong một nhóm nhất định, thì bắt buộc phải tiếp tục chọn môn học tiếp theo ở cấp độ cao hơn (hoặc phần 2) trong cùng nhóm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các nhóm môn học có tính kế thừa hoặc bắt buộc đi kèm.

Ví dụ: Nếu đã chọn Tiếng Hoa 1 là ngoại ngữ tự chọn 1, thì phải chọn Tiếng Hoa 2 là ngoại ngữ tự chọn 2; không được chuyển sang Tiếng Pháp 2 nếu chưa học Tiếng Pháp 1.

Nếu đã học Ngôn ngữ lập trình, thì phải chọn tiếp Thực hành Ngôn ngữ lập trình.

HK_TC: Danh sách môn học tự chọn cụ thể sẽ được thông báo trước khi đăng ký môn học.

Viết tắt trong bảng:

(1) Cột Học kỳ: HK – Học kỳ; HK_TC – Học kỳ tự chọn;

(2) Cột Tên môn học: TN – Thí nghiệm; TH- Thực hành;

9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem chi tiết trong Phụ lục 1

10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ - tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

12. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được thiết kế theo định hướng ứng dụng, lấy người học làm trung tâm, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực vận dụng kiến thức, giải quyết vấn đề thực tế và ra quyết định trong môi trường kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng.

Tổng thể, chương trình hướng đến giúp người học:

- + Vận dụng được kiến thức vào các tình huống thực tiễn (mức 3 – apply)
- + Phân tích vấn đề, đánh giá phương án và đề xuất giải pháp phù hợp (mức 4 – analyze, evaluate)
- + Hình thành năng lực giải quyết vấn đề, tư duy chiến lược, và cải tiến liên tục trong bối cảnh chuỗi cung ứng số hóa và toàn cầu hóa.

Các phương pháp giảng dạy chủ đạo được áp dụng bao gồm:

- [1] Phương pháp thuyết trình kết hợp giải thích – minh họa (Lecture and Demonstration): Áp dụng cho các học phần lý thuyết nền tảng nhằm truyền đạt kiến thức cơ bản, khái niệm cốt lõi, mô hình và nguyên lý trong logistics và quản trị chuỗi cung ứng.

- [2] Phương pháp học theo tình huống (Case-based learning): Sinh viên được phân tích các tình huống thực tế, vận dụng kiến thức để đánh giá và đề xuất giải pháp phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Phù hợp với chuẩn đầu ra yêu cầu mức năng lực phân tích – đánh giá (bậc 3–4).
- [3] Phương pháp học theo dự án (Project-based learning): Sinh viên thực hiện các dự án nhóm hoặc cá nhân có định hướng giải quyết vấn đề thực tế trong doanh nghiệp, từ việc lập kế hoạch cung ứng, thiết kế kho bãi, tối ưu tuyến vận tải đến xây dựng chiến lược chuỗi cung ứng toàn cầu.
- [4] Phương pháp mô phỏng và học thông qua công nghệ (Simulation-based learning): Ứng dụng phần mềm chuyên ngành (ERP, WMS, SCM, Excel nâng cao...) giúp sinh viên thao tác dữ liệu thực tế, phân tích dòng hàng, dòng tiền, từ đó đưa ra quyết định quản trị.
- [5] Phương pháp học thông qua trải nghiệm thực tiễn (Experiential learning): Tổ chức kiến tập, thực tập doanh nghiệp, các buổi tham quan thực tế và mời chuyên gia doanh nghiệp chia sẻ, giúp sinh viên hiểu rõ quy trình vận hành logistics và hệ thống chuỗi cung ứng hiện đại.
- [6] Phương pháp học tập hợp tác (Collaborative/Team-based learning): Khuyến khích sinh viên làm việc nhóm để phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo nhóm, tư duy phản biện – năng lực đặc biệt cần thiết trong môi trường làm việc đa văn hóa và quốc tế.
- [7] Phương pháp phản biện – thảo luận định hướng (Socratic questioning – Directed discussion): Giảng viên khơi gợi, đặt câu hỏi có chiều sâu để sinh viên phản biện, diễn giải và mở rộng ý tưởng, nâng cao năng lực tư duy logic, phân tích đa chiều và ra quyết định phù hợp với thực tiễn ngành nghề.
- [8] Phương pháp giảng dạy tích hợp công nghệ số và nền tảng học liệu mở (Blended learning – LMS): Kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến qua hệ thống LMS (Learning Management System), giúp sinh viên tiếp cận kho học liệu số, bài giảng tương tác, mô phỏng thực tiễn, và học tập linh hoạt theo tiến độ cá nhân.

13. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu học phần – chuẩn đầu ra – hoạt động học tập – tiêu chí đánh giá. Việc đánh giá được thực hiện liên tục và đa dạng, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, nhằm đo lường đầy đủ các mức độ nhận thức bậc 3 – 4 (vận dụng – phân tích – đánh giá) theo thang năng lực Bloom.

Phương pháp đánh giá trong chương trình nhằm đảm bảo:

- + Phản ánh đúng năng lực vận dụng – phân tích – đánh giá (bậc 3–4 theo Bloom)
- + Khuyến khích người học chủ động – sáng tạo – gắn với thực tiễn ngành nghề
- + Tạo điều kiện để người học được đánh giá toàn diện, công bằng và theo tiến trình học tập

Các hình thức đánh giá chủ yếu bao gồm:

- [1] Đánh giá quá trình học tập (Formative assessment)
 - + Bài tập tình huống, bài tập vận dụng: Giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn trong logistics, quản lý kho, vận tải, chuỗi cung ứng.
 - + Bài thuyết trình cá nhân/nhóm: Phát triển năng lực phân tích – trình bày – phản biện, thường gắn với dự án học tập hoặc chủ đề thực tiễn.
 - + Nhật ký học tập / phản hồi cá nhân / bài tự đánh giá: Giúp sinh viên tự theo dõi tiến bộ học tập và điều chỉnh chiến lược học.

- + Chuyên cần và đóng góp thảo luận: Được xem là tiêu chí đánh giá mức độ tham gia và năng lực giao tiếp – hợp tác.
- [2] Đánh giá giữa kỳ (Mid-term assessment)
- + Bài kiểm tra viết (trắc nghiệm/kết hợp tự luận): Kiểm tra khả năng ghi nhớ, vận dụng và phân tích kiến thức.
 - + Bài kiểm tra thực hành (trên máy / mô phỏng): Với các học phần có nội dung ứng dụng công nghệ (ERP, Excel, WMS, phần mềm SCM...), sinh viên được kiểm tra trực tiếp qua thao tác thực tế.
 - + Báo cáo phân tích / phân tích dữ liệu thực tiễn: Thường áp dụng với học phần thống kê, hoạch định, phân tích chuỗi cung ứng, nhằm kiểm tra khả năng khai thác và xử lý dữ liệu.
- [3] Đánh giá cuối kỳ (Summative assessment)
- + Thi viết (tự luận hoặc kết hợp): Đánh giá khả năng tổng hợp, so sánh, đánh giá các lý thuyết và vận dụng vào thực tế.
 - + Bài tiểu luận, đề án nhóm: Với học phần chuyên ngành, bài tập lớn cuối kỳ yêu cầu sinh viên giải quyết bài toán thực tiễn hoặc xây dựng đề xuất chiến lược logistics cụ thể.
 - + Bài thi mô phỏng / thực hành / bài thi trình bày (oral exam): Sử dụng trong các học phần có nội dung thực hành – phân tích – đánh giá dựa trên tình huống thực.
- [4] Đánh giá thực tập và tốt nghiệp (Internship and Graduation Assessment)
- + Báo cáo thực tập tốt nghiệp: Ghi nhận quá trình thực hành tại doanh nghiệp, đánh giá dựa trên kết quả công việc, nhật ký thực tập và nhận xét của đơn vị tiếp nhận.
 - + Bài thi tốt nghiệp / khóa luận / đề án: Là hình thức đánh giá tổng hợp, yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức – kỹ năng – tư duy phân tích để giải quyết một vấn đề thực tế có tính phức hợp cao.
- [5] Tiêu chí và trọng số đánh giá:
- + Việc đánh giá được lượng hóa thông qua các thành phần điểm như sau:
 - Điểm quá trình (x%): Bao gồm chuyên cần, bài tập, thảo luận, bài kiểm tra nhanh, tiểu luận ngắn.
 - Điểm giữa kỳ (y%): Kiểm tra viết / bài thực hành giữa kỳ.
 - Điểm cuối kỳ (z%): Thi viết, bài thuyết trình, bài tập lớn, hoặc đề án cá nhân/nhóm.
 - + Yêu cầu chung: $x + y + z = 100\%$ và $x + y \leq 50\%$ bảo đảm đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng quan trọng, phản ánh đúng năng lực người học; điểm cuối kỳ phản ánh việc sinh viên đạt chuẩn đầu ra môn học.

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] **Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:**

- + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:

- Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
- Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương ----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - Môn học tiên quyết ----- Ký hiệu: [TQ]
 - Môn học trước ----- Ký hiệu: [Tr]

- Môn học song hành----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Ký hiệu liên quan đến môn học

- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: ----- [GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

15. Mô tả tóm tắt môn học:

[1] Kiến thức Giáo dục chuyên biệt

- [MI03002] Giáo dục Quốc phòng - An ninh ----- 0[6.3.16]
- [GS99005] Giáo dục thể chất 1 ----- 0[0.2.3]
- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.
 - + Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (chạy 5 phút tùy sức) và môn thể dục (bài tập thể dục phát triển chung 50 động tác).
- [GS99006] & [GS99007] Giáo dục thể chất 2 và 3 (Tự chọn bắt buộc) ----- 0[0.2.3]
- + Chọn 02 trong 05 nội dung sau:
 - + Môn Aerobic:
 - Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người; vai trò của Giáo dục thể chất trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.
 - + Môn Bóng bàn cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng bàn, luật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn (cách cầm vợt đúng trong bóng bàn, tư thế di chuyển đơn, kép, bước chéo. Tư thế chuẩn bị đánh bóng. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay,

trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên, các bài tập phát triển thể lực.

- + Bóng chuyền cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng).
- + Bóng rổ cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng rổ, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, tại chỗ ném rổ một tay trên vai, hai bước ném rổ một tay trên vai).
- + Cầu lông cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn Cầu lông, luật Cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông (cách cầm vợt, tư thế di chuyển đơn bước, đa bước, giao cầu trái tay, giao cầu thuận tay, đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu), đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh cuối sân), các bài tập phát triển thể lực.

[2] Kiến thức Giáo dục đại cương

Nhóm môn Khoa học tự nhiên

[BA13901] Toán ứng dụng trong kinh doanh ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức toán học ứng dụng trong kinh doanh, giúp họ hiểu và áp dụng công cụ toán học vào phân tích, ra quyết định và giải quyết các vấn đề kinh tế.
- + Nội dung: Cung cấp kiến thức toán học quan trọng, bao gồm hàm số, ma trận, đạo hàm, tích phân và ứng dụng của chúng trong kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách áp dụng toán học vào tối ưu hóa lợi nhuận, phân tích cung cầu và dự báo kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Phương trình, hàm số và đồ thị;
 - Đại số ma trận tuyến tính và ứng dụng;
 - Đạo hàm và ứng dụng trong kinh tế;
 - Tích phân bất định và tích phân xác định;
 - Hàm số nhiều biến và tối ưu hóa trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và vận dụng công cụ toán học vào phân tích kinh doanh và kinh tế.
 - Áp dụng toán học vào bài toán tối ưu hóa trong quản trị tài chính và marketing.
 - Phát triển tư duy logic, phân tích dữ liệu và đưa ra quyết định kinh doanh dựa trên tính toán.

[BA19008] Tin học ứng dụng trong kinh doanh ----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng, hỗ trợ việc quản lý và xử lý dữ liệu kinh doanh, giúp họ áp dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh hiện đại.
- + Nội dung: Sinh viên sẽ học cách sử dụng Microsoft Word, PowerPoint và Excel để soạn thảo văn bản, lập bảng tính và trình bày thông tin kinh doanh một cách chuyên nghiệp. Chi tiết các chương:

- Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản bằng Microsoft Word;
 - Thiết kế và trình bày tài liệu trình chiếu với Microsoft PowerPoint;
 - Sử dụng Microsoft Excel để xử lý dữ liệu, lập bảng tính và phân tích số liệu;
 - Các công cụ phân tích dữ liệu nâng cao trong Excel;
 - Ứng dụng tin học trong quản lý kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
- Thành thạo kỹ năng sử dụng các công cụ Microsoft Office trong kinh doanh.
 - Biết cách xử lý và trình bày dữ liệu kinh doanh một cách chuyên nghiệp.
 - Áp dụng tin học phân tích tài chính, báo cáo và quản lý dữ liệu kinh doanh hiệu quả.
- [BA19009] Thống kê trong kinh doanh----- 3[2.1.6]
- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các công cụ thống kê cơ bản để phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh. Môn học giúp sinh viên hiểu cách thu thập, xử lý và diễn giải dữ liệu để đánh giá rủi ro và lập kế hoạch kinh doanh hiệu quả; giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích, hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chiến lược kinh doanh dựa trên dữ liệu thực tế.
- + Nội dung: Sinh viên sẽ học cách sử dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu thực tế trong kinh doanh, bao gồm:
- Thống kê mô tả: Cách thu thập, tổ chức và trình bày dữ liệu.
 - Xác suất và phân phối xác suất: Các quy tắc tính xác suất, biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất.
 - Lấy mẫu và ước lượng: Phương pháp lấy mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết.
 - Phân tích hồi quy: Mô hình hồi quy tuyến tính, mối quan hệ giữa các biến, dự báo xu hướng kinh doanh.
 - Ứng dụng phần mềm: Sử dụng Microsoft Excel để phân tích dữ liệu, vẽ đồ thị và thực hiện các phép tính thống kê.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu và áp dụng các phương pháp thống kê trong phân tích dữ liệu kinh doanh.
 - Biết tính toán xác suất, kiểm định giả thuyết và phân tích mối quan hệ giữa các biến.
 - Thành thạo sử dụng Microsoft Excel xử lý dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

Nhóm môn Khoa học xã hội

[GS19007] Tiếng Anh 1----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến con người, nơi chốn, các đồ vật trong gia đình, số đếm, số thứ tự, các thông tin cơ bản về một số quốc gia trên thế giới, thời gian rảnh, thức ăn, tiền tệ, phân biệt tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.

[GS19008] Tiếng Anh 2----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 2 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến du lịch, ngoại hình, phim ảnh, nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngành du lịch và môi trường trên trái đất.

[GS19009] Tiếng Anh 3----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, những cuộc thi đấu, phương tiện giao thông, sự phiêu lưu, môi trường và những giai đoạn trong cuộc đời.

[GS19010] Tiếng Anh 4----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 4 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngày nghỉ, du lịch, sản phẩm, lịch sử và thiên nhiên.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương ----- 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin ----- 3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin ----- 2[2.0.5]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học ----- 2[2.0.5]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- + Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam----- 3[3.0.6]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.

- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
 - Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
 - Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
 - Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
 - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh-----2[2.0.5]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[3] Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

Nhóm môn Cơ sở ngành

[BA19001] Kinh tế vi mô -----2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, bao gồm cách thức hoạt động của thị trường, hành vi của người tiêu dùng và nhà sản xuất, cũng như vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.
- + Nội dung: Giới thiệu các nguyên lý kinh tế vi mô và ứng dụng trong thực tế. Sinh viên học cách phân tích quan hệ cung - cầu, tối ưu hóa quyết định tiêu dùng và sản xuất, và tác động của chính sách kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kinh tế vi mô;
 - Cung - cầu và cân bằng thị trường;
 - Hành vi của người tiêu dùng;
 - Hành vi của doanh nghiệp và chi phí sản xuất;
 - Cấu trúc thị trường: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh không hoàn hảo;
 - Vai trò của chính phủ trong kinh tế thị trường.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và giải thích các khái niệm kinh tế vi mô quan trọng.
 - Ứng dụng quy luật cung - cầu và phân tích tác động của chính sách kinh tế.
 - Phát triển kỹ năng phân tích kinh tế và ra quyết định kinh doanh.

[BA19002] Kinh tế vĩ mô -----2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về kinh tế vĩ mô, giúp họ hiểu được cách thức vận hành của nền kinh tế quốc gia và tác động của chính sách kinh tế.
- + Nội dung: Phân tích tổng thể nền kinh tế, bao gồm các yếu tố như GDP, thất nghiệp, lạm phát, chính sách tiền tệ và tài khóa. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kinh tế vĩ mô;
 - Sản lượng và thu nhập quốc dân;
 - Chính sách tiền tệ và tài khóa;
 - Lạm phát và thất nghiệp;
 - Hội nhập kinh tế quốc tế.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các chỉ số kinh tế vĩ mô.
 - Đánh giá tác động của chính sách kinh tế lên nền kinh tế.
 - Ứng dụng kiến thức kinh tế vĩ mô vào phân tích kinh doanh, hoạch định chiến lược.

[BA49001] Quản trị học----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên lý quản trị, giúp họ hiểu rõ vai trò của nhà quản trị và các chức năng cơ bản của quản trị trong doanh nghiệp.
- + Nội dung: Nghiên cứu các chức năng chính của quản trị gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra, cùng với các mô hình và công cụ quản trị hiệu quả. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị;
 - Môi trường quản trị và nhà quản trị;
 - Chức năng hoạch định và ra quyết định;
 - Chức năng tổ chức và quản lý nhân sự;
 - Chức năng điều hành và kiểm soát.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về quản trị doanh nghiệp.
 - Áp dụng các chức năng quản trị vào hoạt động doanh nghiệp.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo và ra quyết định.

[BA39001] Nguyên lý kế toán----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán, giúp họ hiểu về hệ thống kế toán doanh nghiệp và nguyên tắc kế toán tài chính.
- + Nội dung: Cung cấp các nguyên lý kế toán, bao gồm hệ thống tài khoản, báo cáo tài chính và quy trình ghi sổ kế toán. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kế toán;
 - Hệ thống tài khoản kế toán;
 - Ghi sổ kế toán và báo cáo tài chính;
 - Kế toán chi phí và quản lý tài chính.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên tắc kế toán cơ bản.
 - Thực hiện ghi chép và lập báo cáo tài chính.
 - Ứng dụng kế toán vào quản lý doanh nghiệp.

[BA39002] Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ, giúp họ hiểu được vai trò của hệ thống tài chính, ngân hàng trung ương, lãi suất và chính sách tiền tệ.

- + Nội dung: Cung cấp nền tảng lý thuyết về tài chính - tiền tệ, giúp hiểu rõ cơ chế vận hành của thị trường tài chính và tác động của các chính sách tài chính. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về tài chính và tiền tệ;
 - Hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ;
 - Lãi suất và thị trường tài chính;
 - Ngân sách nhà nước và chính sách tài khóa;
 - Tín dụng và hệ thống thanh toán.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên lý tài chính - tiền tệ và vai trò của ngân hàng trung ương.
 - Phân tích tác động của chính sách tiền tệ và tài khóa đối với nền kinh tế.
 - Vận dụng kiến thức tài chính vào thực tiễn kinh doanh và đầu tư.

[BA43018] Khởi nghiệp----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về khởi nghiệp, tư duy đổi mới sáng tạo và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh. Sinh viên sẽ được học cách nhận diện cơ hội kinh doanh, xây dựng ý tưởng khởi nghiệp và thiết kế mô hình kinh doanh tinh gọn.
- + Nội dung: Cung cấp nền tảng về khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp mới, từ việc xác định ý tưởng kinh doanh đến triển khai thực tế. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh và vận dụng các kỹ năng mềm trong khởi nghiệp. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu tổng quan về khởi nghiệp;
 - Kiến tạo giá trị và tư duy khởi nghiệp;
 - Đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh;
 - Nền kinh tế chia sẻ và cơ hội kinh doanh;
 - Lập kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp tinh gọn;
 - Khởi nghiệp xã hội và doanh nghiệp bền vững.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các yếu tố quan trọng trong khởi nghiệp, từ ý tưởng đến thực thi.
 - Phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh.
 - Ứng dụng các công cụ và mô hình kinh doanh vào thực tiễn khởi nghiệp.

[BA49004] Luật kinh tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về pháp luật kinh tế, giúp sinh viên hiểu và áp dụng quy định pháp lý vào hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tính hợp pháp và giảm thiểu rủi ro pháp lý.
- + Nội dung: Tìm hiểu quy định pháp lý về doanh nghiệp, hợp đồng kinh doanh, cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và giải quyết tranh chấp thương mại. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về luật kinh tế;
 - Pháp luật về doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp;
 - Hợp đồng trong kinh doanh thương mại;
 - Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng;
 - Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ hệ thống pháp luật kinh tế và áp dụng vào thực tiễn kinh doanh.
 - Nhận diện và phòng tránh các rủi ro pháp lý trong kinh doanh.
 - Ứng dụng luật kinh tế để giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp.

[BA09028] Kinh tế số -----2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về nền kinh tế số, giúp sinh viên hiểu rõ sự chuyển đổi số trong kinh doanh và tác động của công nghệ đối với nền kinh tế.
- + Nội dung: Phân tích các khái niệm, mô hình và công cụ kinh tế số, cùng với ứng dụng của chúng trong kinh doanh và chính sách kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu về kinh tế số và chuyển đổi số;
 - Hệ sinh thái kinh tế số và thị trường số;
 - Công nghệ blockchain và tiền điện tử;
 - Dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong kinh tế số;
 - Chính sách và quản lý kinh tế số.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích sự chuyển đổi số trong nền kinh tế hiện đại.
 - Ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh và quản lý.
 - Đánh giá tác động của kinh tế số đối với doanh nghiệp và xã hội.

[BA29001] Marketing căn bản -----3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về marketing, giúp họ hiểu các nguyên tắc và chiến lược marketing nhằm thu hút, giữ chân khách hàng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp.
- + Nội dung: Giới thiệu các khái niệm và công cụ marketing, từ nghiên cứu thị trường đến xây dựng chiến lược marketing tổng thể. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về marketing;
 - Hành vi người tiêu dùng;
 - Nghiên cứu thị trường và phân khúc khách hàng;
 - Chiến lược sản phẩm và thương hiệu;
 - Chiến lược giá, phân phối và truyền thông marketing.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các nguyên tắc và chiến lược marketing.
 - Ứng dụng các công cụ marketing để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả.
 - Phát triển tư duy sáng tạo trong hoạt động marketing và quản lý thương hiệu.

[BA19004] Phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh doanh -----3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên các công cụ và phương pháp định lượng nhằm hỗ trợ việc ra quyết định trong kinh doanh, giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích dữ liệu và ứng dụng trong các hoạt động quản lý.
- + Nội dung: Giới thiệu phương pháp toán học và thống kê ứng dụng trong kinh doanh, bao gồm phân tích dữ liệu, dự báo, tối ưu hóa và mô hình ra quyết định. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu về phương pháp định lượng trong kinh doanh;
 - Phân tích dữ liệu mô tả và suy luận thống kê;
 - Phương pháp dự báo trong kinh doanh;
 - Quy hoạch tuyến tính và tối ưu hóa;
 - Mô hình ra quyết định và ứng dụng trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng các phương pháp định lượng để hỗ trợ quyết định kinh doanh.
 - Phân tích dữ liệu và sử dụng công cụ định lượng để giải quyết vấn đề thực tế.
 - Tối ưu hóa các hoạt động quản lý và hoạch định chiến lược kinh doanh.

[BA09048] Tiếng Anh chuyên ngành 1 ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Anh trong giao dịch Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, giúp họ nâng cao kỹ năng giao tiếp chuyên ngành, thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu.
- + Nội dung: Môn học giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ, tình huống giao tiếp thường gặp trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm:
 - Giao tiếp qua điện thoại trong môi trường thương mại quốc tế.
 - Tổ chức và tham gia các cuộc họp kinh doanh bằng tiếng Anh.
 - Kết nối quan hệ đối tác quốc tế và thương lượng hợp đồng.
 - Quy trình đặt hàng và quản lý đơn hàng trong giao dịch quốc tế.
 - Lập kế hoạch và tổ chức triển lãm thương mại.
 - Chiến lược cạnh tranh trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + Kết quả dự kiến:
 - Nắm vững kiến thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Ứng dụng tiếng Anh vào điện đàm, họp hành, thương lượng và tổ chức sự kiện thương mại.
 - Phát triển kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, nâng cao sự tự tin trong giao tiếp kinh doanh.

[BA09049] Tiếng Anh chuyên ngành 2 ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức chuyên sâu hơn về tiếng Anh trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo trong môi trường doanh nghiệp đa quốc gia.
- + Nội dung: Môn học tập trung vào chủ đề chuyên sâu trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm:
 - Khu vực kinh doanh và chiến lược mở rộng thị trường.
 - Quản lý dự án trong doanh nghiệp quốc tế.
 - Thị trường toàn cầu và các yếu tố tác động đến thương mại quốc tế.
 - Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu quốc tế.
 - Quản lý logistics và chuỗi cung ứng trong kinh doanh toàn cầu.
 - Quảng cáo, truyền thông và văn hóa đa quốc gia trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Nâng cao vốn từ vựng và khả năng đọc hiểu, viết báo cáo, thuyết trình trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Có thể giao tiếp, thương lượng, xử lý tình huống kinh doanh bằng tiếng Anh.
 - Thích nghi nhanh với môi trường làm việc đa quốc gia và phát triển năng lực giao tiếp chuyên nghiệp.

Nhóm môn Chuyên ngành

[BA49008] Hành vi tổ chức ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về hành vi của cá nhân, nhóm và tổ chức trong môi trường doanh nghiệp. Giúp sinh viên hiểu và áp dụng các nguyên tắc tâm lý, xã hội và tổ chức vào quản lý nhân sự và vận hành doanh nghiệp hiệu quả.
- + Nội dung: Nghiên cứu cách thức con người hành xử trong tổ chức và tác động của các yếu tố như động lực, giao tiếp, lãnh đạo, xung đột đến hiệu suất làm việc. Cách xây dựng văn hóa tổ chức tích cực và quản lý sự thay đổi hiệu quả. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về hành vi tổ chức;

- Hành vi cá nhân trong tổ chức;
 - Động viên và hiệu suất làm việc;
 - Hành vi nhóm và xung đột;
 - Phong cách lãnh đạo và ra quyết định;
 - Văn hóa tổ chức và quản trị sự thay đổi.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu và phân tích các yếu tố tác động đến hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức, từ đó đánh giá ảnh hưởng của chúng đối với hiệu suất làm việc, sự gắn kết nhân viên và văn hóa tổ chức.
 - Ứng dụng mô hình động viên để thúc đẩy hiệu suất làm việc và tinh thần hợp tác nhóm.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết xung đột và lãnh đạo tổ chức hiệu quả.

[BA49015] Đạo đức và văn hóa kinh doanh ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, giúp họ hiểu và áp dụng nguyên tắc đạo đức trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
- + Nội dung: Tìm hiểu các nguyên tắc đạo đức trong kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và tác động của văn hóa doanh nghiệp đến hiệu suất kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách ra quyết định đạo đức, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực và phát triển chiến lược kinh doanh bền vững. Chi tiết các chương:
- Khái niệm đạo đức và đạo đức kinh doanh;
 - Quy trình ra quyết định đạo đức trong kinh doanh;
 - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và phát triển bền vững;
 - Văn hóa doanh nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng;
 - Tác động của văn hóa doanh nghiệp đến chiến lược kinh doanh;
 - Ứng xử văn hóa trong kinh doanh và đàm phán thương mại.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu và phân tích các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.
 - Ứng dụng kiến thức vào việc ra quyết định đạo đức và xây dựng chiến lược phát triển bền vững.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện trong môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

[BA09029] Sở hữu trí tuệ ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức pháp lý về sở hữu trí tuệ, giúp sinh viên hiểu cách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và ứng dụng trong môi trường kinh doanh.
- + Nội dung: Tìm hiểu các quyền sở hữu trí tuệ và các phương thức bảo hộ như sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền, kiểu dáng công nghiệp. Phân tích luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc tế, cũng như cách thức xử lý tranh chấp sở hữu trí tuệ. Chi tiết các chương:
- Giới thiệu về sở hữu trí tuệ;
 - Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ;
 - Sáng chế và giải pháp hữu ích;
 - Kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu;
 - Bản quyền và quyền liên quan;
 - Chuyển giao công nghệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu rõ quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và cách bảo vệ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

- Ứng dụng kiến thức vào việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, quyền tác giả.
- Đánh giá và giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ trong thực tiễn kinh doanh.

[BA09030] Marketing quốc tế----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về chiến lược marketing quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ môi trường kinh doanh toàn cầu và cách thức tiếp cận thị trường quốc tế hiệu quả.
- + Nội dung: Xác định cơ hội và thách thức khi triển khai hoạt động marketing quốc tế. Phát triển chiến lược tiếp cận thị trường quốc tế thông qua các phương thức như xuất khẩu, nhượng quyền, liên doanh. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về marketing quốc tế;
 - Môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
 - Chiến lược sản phẩm quốc tế;
 - Chiến lược định giá và phân phối;
 - Quảng bá và truyền thông marketing toàn cầu;
 - Xu hướng mới trong marketing quốc tế.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và đánh giá được tác động của môi trường quốc tế đến hoạt động marketing.
 - Lập kế hoạch chiến lược marketing quốc tế phù hợp với từng thị trường.
 - Phân tích và ứng dụng chiến lược marketing quốc tế vào thực tiễn kinh doanh.

[BA09031] Quan hệ kinh tế quốc tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về quan hệ kinh tế quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa và các yếu tố kinh tế - chính trị đối với hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + Nội dung: Tìm hiểu về thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỷ giá hối đoái, hội nhập kinh tế toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quan hệ kinh tế quốc tế;
 - Thương mại quốc tế và chính sách thương mại;
 - Đầu tư trực tiếp nước ngoài và hợp tác kinh tế;
 - Hệ thống tiền tệ quốc tế;
 - Các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực.
- + Kết quả dự kiến:
 - Phân tích các yếu tố tác động đến thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài.
 - Ứng dụng kiến thức vào đánh giá cơ hội và rủi ro trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Hiểu và áp dụng chính sách hội nhập kinh tế vào chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

[BA09034] Logistics và quản lý chuỗi cung ứng ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức nền tảng về hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm môi trường kinh doanh toàn cầu, chiến lược thâm nhập thị trường và quản lý doanh nghiệp đa quốc gia.
- + Nội dung: Nghiên cứu xu hướng toàn cầu hóa, môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và các chiến lược kinh doanh toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
 - Toàn cầu hóa và tác động đến Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
 - Môi trường chính trị, kinh tế và văn hóa trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
 - Các chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế;

- Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Đánh giá rủi ro và cơ hội trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ xu hướng phát triển toàn cầu hóa và môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Ứng dụng kiến thức để đánh giá cơ hội và thách thức trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường toàn cầu.

[BA09035] Tài chính và thanh toán quốc tế----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về tài chính quốc tế và các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại toàn cầu, giúp sinh viên hiểu và quản lý rủi ro tài chính quốc tế.
- + Nội dung: Nghiên cứu về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các công cụ thanh toán trong thương mại toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về tài chính quốc tế;
 - Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối;
 - Hệ thống tài chính toàn cầu;
 - Các phương thức thanh toán quốc tế;
 - Chứng từ và hợp đồng trong thanh toán quốc tế;
 - Quản lý rủi ro tài chính trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các công cụ tài chính và phương thức thanh toán trong giao dịch quốc tế.
 - Phân tích và đánh giá rủi ro tài chính trong hoạt động kinh doanh toàn cầu.
 - Ứng dụng các phương thức thanh toán an toàn và hiệu quả.

[BA09036] Quản trị nguồn nhân lực ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quản lý nhân sự, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, phát triển và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức.
- + Nội dung: Nghiên cứu các nguyên tắc quản trị nhân sự, hoạch định nguồn nhân lực và phát triển chiến lược nhân sự phù hợp. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực;
 - Hoạch định và tuyển dụng nhân sự;
 - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
 - Đánh giá thành tích và quản lý hiệu suất;
 - Hệ thống lương thưởng và đãi ngộ nhân viên;
 - Chiến lược nhân sự trong môi trường toàn cầu.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng các chiến lược quản trị nguồn nhân lực vào thực tiễn.
 - Phát triển kỹ năng tuyển dụng, đào tạo và giữ chân nhân tài.
 - Xây dựng chính sách nhân sự hiệu quả trong tổ chức.

[BA09037] Quản trị dự án đầu tư quốc tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quản lý dự án trong môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, giúp sinh viên hiểu cách lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát dự án đầu tư hiệu quả.
- + Nội dung: Nghiên cứu các phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án, lập kế hoạch ngân sách, quản lý tiến độ, phân bổ nguồn lực và kiểm soát dự án. Chi tiết các chương:

- Tổng quan về quản trị dự án;
 - Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư;
 - Cơ cấu tổ chức và quản lý dự án;
 - Lập kế hoạch và quản lý tiến độ dự án;
 - Quản lý tài chính và rủi ro trong dự án;
 - Kiểm soát và đánh giá hiệu quả dự án.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu và vận dụng các phương pháp quản trị dự án vào thực tiễn.
 - Lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và kiểm soát dự án một cách hiệu quả.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, ra quyết định, tư duy chiến lược trong quản lý dự án.

[BA09040] Kiến tập chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng ----- 2[0.2.2]

- + Mục tiêu: Tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận thực tế tại các doanh nghiệp, giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tế.
- + Nội dung: Sinh viên tham gia thực tế tại doanh nghiệp, tìm hiểu hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và phát triển các kỹ năng chuyên môn. Chi tiết các chương:
- Giới thiệu về chương trình kiến tập;
 - Quan sát và tìm hiểu môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
 - Ứng dụng kiến thức vào phân tích hoạt động doanh nghiệp;
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm;
 - Báo cáo tổng kết kiến tập.
- + Kết quả dự kiến:
- Áp dụng kiến thức vào thực tiễn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện.
 - Hiểu yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp phù hợp.

[BA09043] Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường toàn cầu, giúp sinh viên hiểu và tối ưu hóa hoạt động logistics và chuỗi cung ứng quốc tế.
- + Nội dung: Tìm hiểu cách lập kế hoạch, quản lý kho bãi, vận tải, đóng gói và phân phối hàng hóa trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Chi tiết các chương:
- Tổng quan về chuỗi cung ứng toàn cầu;
 - Mô hình quản trị chuỗi cung ứng hiện đại;
 - Quản lý logistics trong chuỗi cung ứng quốc tế;
 - Hoạch định nguồn lực và tối ưu hóa vận chuyển;
 - Quản lý rủi ro và phát triển chuỗi cung ứng bền vững.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu và vận dụng các mô hình quản trị chuỗi cung ứng vào thực tế.
 - Phân tích, đánh giá và tối ưu hóa các hoạt động logistics trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Xây dựng chiến lược chuỗi cung ứng phù hợp với xu hướng toàn cầu.

[BA09044] Quản trị xuất nhập khẩu ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về hoạt động xuất nhập khẩu, giúp sinh viên hiểu và thực hiện các giao dịch ngoại thương một cách hiệu quả.
- + Nội dung: Tìm hiểu về điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), hợp đồng ngoại thương, phương thức thanh toán và quản lý rủi ro trong xuất nhập khẩu. Chi tiết các chương:

- Tổng quan về quản trị xuất nhập khẩu;
 - Các phương thức giao dịch quốc tế;
 - Hợp đồng ngoại thương và chứng từ xuất nhập khẩu;
 - Các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms);
 - Phương thức thanh toán trong xuất nhập khẩu;
 - Quản lý rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu rõ quy trình và các yếu tố liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.
 - Biết xây dựng hợp đồng ngoại thương, lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.
 - Nhận diện và kiểm soát rủi ro trong các giao dịch xuất nhập khẩu.

[BA09045] Quản trị rủi ro trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về quản lý rủi ro trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, giúp sinh viên hiểu và áp dụng các phương pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro hiệu quả.
- + Nội dung: Nghiên cứu các loại rủi ro trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và các biện pháp quản trị rủi ro chiến lược, hoạt động và tài chính. Chi tiết các chương:
- Tổng quan về quản trị rủi ro trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
 - Nhận diện và phân loại rủi ro doanh nghiệp;
 - Rủi ro tài chính và biện pháp phòng ngừa;
 - Rủi ro pháp lý và tuân thủ quy định quốc tế;
 - Xây dựng kế hoạch quản trị rủi ro cho doanh nghiệp.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu rõ các loại rủi ro trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và cách thức quản lý chúng.
 - Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.
 - Áp dụng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

[BA09046] Quản trị đa văn hóa ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản trị trong môi trường đa văn hóa, giúp họ hiểu và thích nghi với sự khác biệt văn hóa trong môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + Nội dung: Nghiên cứu các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến quản trị doanh nghiệp, bao gồm giao tiếp, đàm phán, phong cách lãnh đạo và văn hóa tổ chức. Sinh viên học cách áp dụng các nguyên tắc quản trị đa văn hóa để phát triển chiến lược kinh doanh phù hợp với từng nền văn hóa. Chi tiết các chương:
- Tổng quan về quản trị đa văn hóa;
 - Văn hóa doanh nghiệp và văn hóa quốc gia;
 - Phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa;
 - Giao tiếp và đàm phán trong môi trường đa văn hóa;
 - Động lực làm việc trong các nền văn hóa khác nhau.
- + Kết quả dự kiến:
- Hiểu được sự khác biệt văn hóa và ảnh hưởng của nó đến hoạt động kinh doanh và quản lý.
 - Ứng dụng kiến thức về quản trị đa văn hóa để điều chỉnh phong cách lãnh đạo và chiến lược kinh doanh.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa.

[BA09047] Quản trị chiến lược toàn cầu ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị chiến lược trong môi trường toàn cầu, giúp họ hiểu cách xây dựng, triển khai và kiểm soát chiến lược Logistics và quản lý chuỗi cung ứng để đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững.
- + Nội dung: Phân tích môi trường Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, công cụ chiến lược và phương pháp tiếp cận để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh toàn cầu. Sinh viên học cách đánh giá rủi ro và cơ hội để xây dựng chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Bối cảnh toàn cầu hóa và tác động đến doanh nghiệp;
 - Thiết kế chiến lược toàn cầu và đánh giá cơ hội thị trường;
 - Các chiến lược xâm nhập và phát triển thị trường quốc tế;
 - Quản lý chiến lược toàn cầu: marketing, tài chính, nhân lực và đổi mới sáng tạo;
 - Sáp nhập, mua lại và liên minh chiến lược.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên tắc quản trị chiến lược và cách chúng được áp dụng trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh toàn cầu để tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh.
 - Phân tích, đánh giá rủi ro, cơ hội trong môi trường Logistics, quản lý chuỗi cung ứng.

[BA03151] Thực tập tốt nghiệp ----- 3[0.3.3]

- + Môn học Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc, nhằm giúp sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại các doanh nghiệp logistics, vận tải, kho bãi hoặc các tổ chức cung ứng dịch vụ. Trong thời gian thực tập, sinh viên có cơ hội quan sát và tham gia trực tiếp vào các nghiệp vụ như quản lý kho hàng, vận chuyển, phân phối, điều phối chuỗi cung ứng, đồng thời tìm hiểu các ứng dụng công nghệ hiện đại (WMS, TMS, phần mềm quản lý đơn hàng).
- + Thông qua thực tập, sinh viên phát triển năng lực phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, quản lý thời gian và thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp. Hoạt động thực tập được ghi chép trong Nhật ký thực tập và kết thúc bằng Báo cáo thực tập có xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo này phản ánh khả năng sinh viên gắn kết lý thuyết với thực tiễn, rèn luyện tính kỷ luật, trách nhiệm và ý thức tuân thủ quy định trong môi trường doanh nghiệp

[BA03153] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ----- 6[0.6.6]

- + Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp là học phần cuối cùng, giúp sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và đề xuất giải pháp cho một vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp hoặc tổ chức liên quan đến logistics và chuỗi cung ứng.
- + Trong quá trình thực hiện, sinh viên sẽ tiến hành:
 - Tổng quan lý thuyết: hệ thống hóa cơ sở khoa học và các mô hình quản lý logistics, chuỗi cung ứng.
 - Phân tích thực trạng: mô tả, đánh giá hoạt động logistics và chuỗi cung ứng dựa trên dữ liệu thu thập từ doanh nghiệp thực tập.
 - Đề xuất giải pháp: đưa ra các phương án cải tiến, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm chi phí.
- + Khóa luận được tiến hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và có sự phối hợp của doanh nghiệp thực tập, nhằm đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và khả năng ứng dụng. Đây

là học phần quan trọng để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, tư duy phản biện, làm việc độc lập cũng như thái độ trách nhiệm và tính kỷ luật, chuẩn bị cho sự nghiệp nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

BA59016 TT_BTTN_Logistics và QLCCU thông minh, bền vững trong thời đại số 3[2.1.6]

- + Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về sự tích hợp công nghệ thông minh (IoT, AI, Blockchain, Big Data, tự động hóa...) vào hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong bối cảnh Công nghiệp 4.0. Nội dung học tập tập trung vào việc phân tích cách các công nghệ này góp phần xây dựng chuỗi cung ứng thông minh, tối ưu hóa vận hành, giảm lãng phí, nâng cao hiệu quả và hỗ trợ các mục tiêu phát triển bền vững.
- + Sinh viên sẽ được tìm hiểu các chủ đề như: logistics xanh và kinh tế tuần hoàn, thiết kế và tối ưu hóa chuỗi cung ứng thông minh, quản lý chuỗi cung ứng dựa trên dữ liệu, logistics trong thương mại điện tử, quản lý rủi ro và bảo mật trong logistics, cũng như xu hướng phát triển logistics 5.0 và cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.
- + Thông qua môn học, sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức lý thuyết và các mô hình thực tiễn mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích rủi ro, áp dụng công cụ số, xây dựng chiến lược đổi mới và đánh giá tác động môi trường – xã hội. Môn học góp phần hình thành năng lực thiết kế, quản lý và vận hành chuỗi cung ứng thông minh, bền vững, đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

BA59017 TT_BTTN_Nghiên cứu tình huống trong Logistics và QLCCU----- 3[2.1.6]

- + Môn học giúp sinh viên áp dụng các khái niệm lý thuyết vào các tình huống thực tế trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Thông qua việc phân tích các nghiên cứu tình huống, sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và ra quyết định trong môi trường thực tế.
- + Nội dung môn học tập trung vào các chủ đề: tối ưu hóa chuỗi cung ứng (quản lý kho, vận tải, tồn kho, dự báo nhu cầu, quản lý rủi ro), logistics bền vững và chuỗi cung ứng xanh, thương mại điện tử và chuỗi cung ứng số, cùng các chuỗi cung ứng chuyên ngành (bán lẻ, y tế, thực phẩm, sản xuất).
- + Môn học không chỉ trang bị kiến thức thực tiễn mà còn phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực hành. Qua đó, sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận các vị trí công việc trong ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Danh sách môn học tự chọn

BA09024 TC1 - Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm ----- 3[2.1.6]

- + Môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để phát triển bản thân toàn diện, tập trung vào giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, quản lý thời gian và tư duy. Thông qua thuyết giảng, thảo luận, thực hành tình huống và bài tập nhóm, sinh viên rèn luyện khả năng giao tiếp hiệu quả, phối hợp nhóm, tư duy phản biện và phát triển các kỹ năng mềm cần thiết cho học tập và nghề nghiệp.

BA09025 TC1 - Phát triển kỹ năng cá nhân----- 3[2.1.6]

- + Môn học giúp sinh viên nhận diện điểm mạnh – yếu bản thân, từ đó xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân phù hợp. Nội dung tập trung vào kỹ năng mềm, thiết lập mục tiêu, quản lý thời gian, kỹ năng tự học, nghiên cứu và khám phá bản thân. Sinh viên sẽ học cách áp

dụng kỹ năng mềm trong học tập và công việc, đồng thời rèn luyện tính kỷ luật, trách nhiệm và khả năng thích ứng trong môi trường học tập và nghề nghiệp hiện đại.

BA09026 TC1 - Tư duy hiệu quả và định hướng nghề nghiệp ----- 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng tư duy logic, sáng tạo và khả năng áp dụng vào học tập, công việc. Nội dung bao gồm kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, thiết lập mục tiêu, rèn luyện tư duy và lập kế hoạch nghề nghiệp. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và công cụ để tự định hướng, nghiên cứu thị trường lao động, lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp ngắn hạn – dài hạn, cũng như chuẩn bị kỹ năng tìm việc và phỏng vấn. Đây là môn học quan trọng để sinh viên chủ động định vị bản thân trong hành trình nghề nghiệp.

BA39002 TC2 - Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ ----- 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống về tài chính – tiền tệ, bao gồm: ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tín dụng, lãi suất, lạm phát và thị trường tài chính. Đây là học phần cơ sở cho các môn chuyên sâu như Nghiệp vụ ngân hàng, Quản trị tài chính, Thị trường chứng khoán.

BA39001 TC2 - Nguyên lý Kế toán ----- 3[2.1.6]

- + Môn học trang bị kiến thức cơ bản về kế toán: bản chất và chức năng, các giả định và nguyên tắc, phương pháp kế toán (chứng từ, tính giá, tài khoản và ghi sổ kép, tổng hợp cân đối kế toán), và cách cung cấp thông tin qua báo cáo tài chính. Đây là nền tảng cho các môn kế toán, tài chính – ngân hàng và quản trị kinh doanh.

BA59008 TC3 - Công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng ----- 3[1.2.5]

- + Môn học giới thiệu vai trò công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm phần mềm SCM, công nghệ sản xuất tiên tiến, IoT, AI, Blockchain, Big Data, Cloud, và phân tích dữ liệu chuỗi cung ứng. Sinh viên học cách thiết lập chỉ số đo lường, tối ưu hóa hiệu suất và ứng dụng công nghệ số vào vận hành chuỗi cung ứng.

BA23009 TC3 - Nghiên cứu Marketing ----- 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu marketing, bao gồm cách xác định, thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường để hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch, chiến lược và ra quyết định marketing hiệu quả. Nội dung môn học tập trung vào thiết kế nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, nghiên cứu khám phá, nghiên cứu mô tả, nghiên cứu nhân quả, đo lường và thiết kế công cụ thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu định tính và định lượng.
- + Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua việc sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, NVivo), tham gia thảo luận, thuyết trình nhóm, xử lý tình huống và thực hiện dự án nghiên cứu thị trường. Qua đó, sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics, quản lý chuỗi cung ứng và marketing hiện đại.

BA09027 TC3 - Thương mại điện tử ----- 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp kiến thức về các mô hình kinh doanh trực tuyến, hành vi khách hàng trên Internet, công cụ marketing điện tử, quy trình xây dựng website, thanh toán trực tuyến và an toàn bảo mật. Sinh viên được trang bị nền tảng để triển khai hoạt động thương mại điện tử trong bối cảnh số hóa.

BA49010 TC4 - Quản trị nguồn nhân lực ----- 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp kiến thức về hoạch định, tuyển dụng, đào tạo – phát triển và duy trì nguồn nhân lực. Nội dung bao gồm phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, quản trị tiền lương và phát triển nhân lực quốc tế. Sinh viên rèn kỹ năng quản lý nhân sự, giao tiếp, thuyết trình, tư duy phản biện và làm việc nhóm.

BA59010 TC4 - Quản trị Tồn kho ----- 3[2.1.6]

- + Môn học tập trung vào quản lý tồn kho: chức năng, chi phí, hệ thống xác định nhu cầu, hệ thống ngẫu nhiên và hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu. Sinh viên học các phương pháp tính toán, đo lường, đánh giá hiệu quả tồn kho, đồng thời phát triển kỹ năng phân tích, ra quyết định và giải quyết vấn đề trong vận hành kho.

BA59012 TC4 - Vận tải đa phương thức ----- 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về vận tải đa phương thức, các loại hình vận tải (đường bộ, sắt, thủy, cảng, trạm vận tải), mô hình khai thác và các khía cạnh pháp lý. Sinh viên học cách xây dựng, thiết kế và quản lý hệ thống vận tải đa phương thức nhằm tối ưu hóa chi phí, thời gian và hiệu quả logistics.

16. Chương trình đào tạo được cập nhật và thông qua:

- [1] Xây dựng và thẩm định lần 01 ----- Tháng 04/2025
- [2] Hiệu chỉnh lần 02 (Cập nhật Quy chế quản lý đào tạo): ----- Tháng 09/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG BAN ĐỀ ÁN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Thị Thu

PGS. TS. Cao Hào Thi

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC		MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI								YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
							MÔ TẢ TÊN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN		HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI						
																										QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ				
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34			
01	HK1	BA13902	Toán ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA01]			
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]			
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]			
04	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA01]			
05	HK1	BA19002	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA01]			
06	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]			
07	HK2	BA19009	Thống kê trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	90	90	[LT]	[BA01]			
08	HK2	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TH	TH	60	60	[PM]	[BA01]			
09	HK2	BA09020	Môn học tự chọn 1	[2]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]			
10	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]			
11	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]			
12	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]			
13	HK2	BA49001	Quản trị học	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN+TL	45	60	[LT]	[BA04]			
14	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]			
15	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]			
16	HK3	GS79007	Chữ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]			
17	HK3	BA09021	Môn học tự chọn 2	[3]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]			
18	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TN+TL	TN+TL	75	75	[LT]	[BA01]			
19	HK3	BA29001	Marketing căn bản	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	70	[LT]	[BA02]			
20	HK3	BA59001	Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	15	35	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA05]			
21	HK3	BA59013	Dự báo nhu cầu trong chuỗi cung ứng	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA05]			
22	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	[MI00]			
23	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]			
24	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]			
25	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]			
26	HK4	BA09019	Nhập môn Khoa học dữ liệu và AI	[3]	BB	3[1.2.5]	3	1	1	0	1	0	0	0	5	60	15	15	0	30	0	0	0	75	30	20	50	TN+TH	TN+TH	60	75	[LT+PM]	[BA00]			
27	HK4	BA43018	Khởi nghiệp	[3]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD+BC	VD+BC	10-15	20-25	[LT]	[BA04]			
28	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA04]			
29	HK4	BA19005	Quản trị Chất lượng	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]			
30	HK4	BA39014	Quản trị Tài chính	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA03]			
31	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]			
32	HK5	BA09022	Môn học tự chọn 3	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]			
33	HK5	BA19007	Quản trị Vận hành	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]			
34	HK5	BA59003	Quản trị Thu mua	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	15	35	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA05]			
35	HK5	BA59004	Quản trị Vận tải	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	15	35	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA05]			
36	HK5	BA59006	Quản trị Kho bãi	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	15	35	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA05]			
37	HK5	BA59007	Quản trị Rủi ro và Bảo hiểm	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA05]			
38	HK5	BA59014	Quản trị Chiến lược chuỗi cung ứng	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA05]			
39	HK6	BA09023	Môn học tự chọn 4	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]			
40	HK6	BA13011	Quản trị Dự án	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]			
41	HK6	BA13158	Quản trị Dịch vụ	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]			
42	HK6	BA59002	Quản trị Bán hàng và kênh phân phối	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA05]			
43	HK																																			

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN HỌC BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
																										% ĐIỂM THÀNH PHẦN		HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
12	HK7	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	[5.3]	TC	6[0.6.6]	6	0	0	0	0	0	6	0	6	270	0	0	0	0	0	270	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]
13	HK7	BA59016	TT_BTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng thông minh, b	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA05]
14	HK7	BA59017	TT_BTTN Nghiên cứu tình huống trong Logistics và Quản lý c	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN+TL	60	75	[LT]	[BA05]

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

[0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt

[0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh

[0.2] Giáo dục thể chất

Kiến thức giáo dục đại cương

[1] Khoa học tự nhiên

[2] Khoa học xã hội nhân văn

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

[3] Cơ sở ngành

[4] Chuyên ngành

[5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp

[5.1] Thực tập tốt nghiệp

[5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn

[5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

[5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

BB Môn học bắt buộc

TC Môn học tự chọn

TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.

Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

[VD] Thi vấn đáp

[TN] Thi trắc nghiệm

[TL] Thi tự luận

[TH] Thi thực hành

[BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận

[LA] Luận án / Bảo vệ Luận án

[DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học

[CH] Thi trắc nghiệm và tự luận